

Số: 26 /2020/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 27 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn B; Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh B được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lò Quốc Đ, sinh ngày 21/12/2015, cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí: Chị T và anh B đều là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại bản Na Sang 2, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thuộc xã đặc biệt khó khăn (xã 135 theo Quyết định của Chính Phủ) có đơn xin miễn án phí DSST. Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị T và anh B được miễn án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- VKSND H.Điện Biên;
- UBND xã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đỗ Thu Hương